

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN LẠNG GIANG  
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2022/DS-ST

Ngày: 19 - 7-2022

V/v “tranh chấp hợp đồng  
tín dụng”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠNG GIANG, TỈNH BẮC GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đỗ Thị Mai Lan

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Quang Vinh

2. Ông Nguyễn Văn Thanh

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Đỗ Ngọc Tĩnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện  
Lạng Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạng Giang tham gia phiên tòa:**  
Ông Bùi Việt Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 7 năm 2022, tại Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang xét xử  
sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 40/2022/TLST-DS ngày 04 tháng 4 năm 2022  
về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo **Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:  
90/2022/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 6 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số  
43/2022/QĐST-DS ngày 30/6/2022**, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Ngân hàng Q(VIB)

Địa chỉ: Tầng 1 và Tầng 2, Tòa nhà Sailing Tower -111A Pasteur, phường  
Bến Nghé, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

*Người đại diện theo pháp luật:* Ông Hàn Ngọc Vũ - Tổng giám đốc.

*Đại diện theo ủy quyền:* Ông Trần Thành Công - Giám đốc thu hồi nợ trực  
tiếp và xử lý nợ- Trung tâm QLN NHBL. Địa chỉ: Tầng M, Tòa nhà Hồng Hà, số  
25 Lý Thường Kiệt, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

*Người được ủy quyền lại:* **Ông Nguyễn Hà D** - Cán bộ Ngân hàng TMCP  
Quốc Tế Việt Nam. Địa chỉ: Tầng M, Tòa nhà Hồng Hà, số 25 Lý Thường Kiệt,  
quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội. (Có mặt)

**Bị đơn:** Ông Nguyễn Công C, sinh năm 1971; bà Phạm Thị H, sinh năm  
1976. Địa chỉ: Thôn Nam Tiến 2, xã Xương Lâm, **huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc  
Giang.** (Vắng mặt)

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Theo đơn khởi kiện và các bản tự khai tiếp theo, nguyên đơn Ngân hàng Q(VIB) do ông Nguyễn Hà D - người được uỷ quyền lại trình bày:***

Ngày 05/10/2020, Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (VIB), chi nhánh Ba Đình ký Hợp đồng tín dụng số 9943376.20 với ông Nguyễn Công C, bà Phạm Thị H. Nội dung hợp đồng: Số tiền giải ngân 700.000.000 đồng; mục đích giải ngân thanh toán mua 01 xe ô tô nhãn hiệu Hyundai; thời hạn vay 72 tháng từ ngày 05/10/2020 đến ngày 05/10/2026; lãi suất tại thời điểm giải ngân 9,4%/ năm. Lãi suất này là lãi suất ưu đãi (so với lãi suất thông thường là lãi suất cơ sở trong kỳ cộng biên độ 3,3%/năm) và chỉ được áp dụng trong 12 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân khoản vay. Hết thời hạn ưu đãi nói trên, lãi suất được điều chỉnh lại 03 tháng một lần bằng lãi suất cơ sở theo sản phẩm theo quy định của Ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 4,1%/năm. Hoàn trả khoản vay gốc hàng tháng vào ngày 25 (mỗi tháng trả là 9.730.000 đồng. Số còn lại trả vào cuối kỳ). Hoàn trả lãi hàng tháng vào ngày 25 ngày trả nợ đầu tiên là ngày 25/10/2020; trả phí theo quy định của Ngân hàng từng thời kỳ; lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn. Ngân hàng đã giải ngân cho ông C, bà H theo Đơn đề nghị giải ngân kèm khế ước nhận nợ số 9943376(1).20 ngày 05/10/2020 với số tiền 700.000.000 đồng theo đúng yêu cầu của khách hàng và phù hợp với Hợp đồng tín dụng.

Bảo đảm cho khoản vay, ông C, bà H thế chấp cho Ngân hàng 01 xe ô tô Hyundai Solati theo hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số 4780731.20 ngày 05/10/2020.

Quá trình thực hiện hợp đồng ông C, bà H đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và lãi phát sinh. Ngân hàng yêu cầu Tòa án buộc ông C, bà H phải trả cho Ngân hàng số tiền tạm tính đến ngày 09/6/2022 là **744.578.668** đồng (gồm 631.890.000 đồng tiền gốc, 21.675.530 đồng nợ lãi, 91.013.138 đồng nợ lãi quá hạn) và tiếp tục tính lãi, lãi quá hạn kể từ ngày 09/6/2022 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo quy định tại Hợp đồng tín dụng, Đơn đề nghị giải ngân kèm khế ước nhận nợ; không yêu cầu xử lý tài sản thế chấp.

***Bị đơn ông Nguyễn Công C, bà Phạm Thị H*** được Tòa án gửi bảo đảm theo đường bưu điện các văn bản tố tụng gồm: Thông báo thụ lý vụ án; giấy báo; thông báo về việc giao nộp tài liệu chứng cứ; thông báo về phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và phiên hòa giải; thông báo hoãn phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và phiên hòa giải; thông báo kết quả phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và phiên hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa. Đồng thời, Tòa án đã xác minh tại địa phương và người thân của ông C xác định ông C và bà H vẫn cư trú, sinh sống tại thôn Nam Tiến 2, xã Xương Lâm, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang. Do không tổng đạt được trực tiếp các văn bản tố tụng cho ông C, bà H nên Tòa án đã tiến hành niêm yết theo quy định của pháp luật.

### ***Tại phiên tòa:***

***Nguyên đơn do người được uỷ quyền lại là ông Nguyễn Hà D trình bày:*** Đề nghị Hội đồng xét xử (viết tắt HĐXX) buộc ông Nguyễn Công C, bà Phạm Thị H trả cho Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam tổng số tiền 758.400.333 đồng gồm:

Tiền gốc 631.890.000 đồng, nợ lãi là 21.675.530 đồng, nợ lãi quá hạn là 104.834.803 đồng trong Hợp đồng tín dụng tính ngày xét xử 19/7/2022 và giữ nguyên ý kiến, yêu cầu khác trong quá trình giải quyết vụ án.

**Bị đơn ông Nguyễn Công C, bà Phạm Thị H:** Đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạng Giang phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:**

- Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng, nguyên đơn trong quá trình tố tụng giải quyết vụ án và tại phiên tòa đã thực hiện đầy đủ, đúng quy định pháp luật. Bị đơn không chấp hành đúng quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466, 468 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 91, Điều 95 Luật các tổ C tín dụng; Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Q(VIB). Buộc ông Nguyễn Công C, bà Phạm Thị H phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền tính đến ngày xét xử sơ thẩm 19/7/2022 là: **758.400.333 đồng** trong đó số tiền nợ gốc: **631.890.000 đồng**, số tiền nợ lãi: **126.510.333 đồng**.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm 19/7/2022 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng

Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

- Về yêu cầu kiến nghị, khắc phục vi phạm: Không

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

#### **Về tố tụng:**

[1]. Thẩm quyền giải quyết vụ án: Ngân hàng Q khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Công C, bà Phạm Thị H trả nợ theo các hợp đồng tín dụng đã ký. Nguyên đơn làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang là nơi bị đơn cư trú giải quyết là đúng theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Quan hệ pháp luật tranh chấp: Ngân hàng Q cho ông Nguyễn Công C, bà Phạm Thị H vay tiền để **thanh toán mua xe ô tô**. Nay nguyên đơn khởi kiện đòi tiền theo hợp đồng tín dụng. Căn cứ Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 16 Điều 4, Điều 90, Điều 91, Điều 94, Điều 95, Điều 98 của Luật các tổ C tín dụng, Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang thụ lý, giải quyết vụ án dân sự, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

[3]. Về sự vắng mặt của bị đơn: Bị đơn ông Nguyễn Công C, bà Phạm Thị H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. HĐXX căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, tiếp tục xét xử vụ án vắng mặt những người này.

[4]. Về việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Tại phiên tòa nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện về việc tính lãi đến ngày xét xử. Xét thấy việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không làm bất lợi cho bị đơn, không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu. Căn cứ Điều 244 BLTTDS, HĐXX chấp nhận việc thay đổi yêu cầu của nguyên đơn.

### **Về nội dung: Yêu cầu của các đương sự**

[5]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đề nghị buộc ông C, bà H phải trả nợ gốc, tiền lãi:

HĐXX thấy Hợp đồng tín dụng số 9943376.20, đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 9943376(1).20 ngày 05/10/2020 có nội dung số tiền vay, thời hạn vay, mục đích, lãi suất cho vay rõ ràng, hình thức đảm bảo; việc ký hợp đồng tín dụng và đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ là đúng quy định hợp đồng vay tài sản tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015. Do ông C, bà H vi phạm nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng yêu cầu trả số tiền gốc còn nợ **631.890.000 đồng**. HĐXX thấy rằng ông C, bà H vay số tiền này trong thời kỳ hôn nhân của vợ chồng nên yêu cầu của Ngân hàng buộc ông C, bà H cùng có trách nhiệm liên đới phải trả số tiền gốc còn nợ **631.890.000 đồng**, là phù hợp với quy định tại khoản 16 Điều 4, Điều 90, Điều 91, Điều 94, Điều 95, Điều 98 của Luật các tổ C tín dụng; Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27, Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về tiền lãi (lãi trong hạn, quá hạn): Ngân hàng yêu cầu tính lãi trong hạn, lãi quá hạn theo Hợp đồng tín dụng số 9943376.20, đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 9943376(1).20 ngày 05/10/2020, HĐXX thấy: Mức lãi suất hai bên thỏa thuận trong hợp đồng là hoàn toàn tự nguyện. Do đó, ông C, bà H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên phải chịu lãi trong hạn, lãi quá hạn theo yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng **tính đến hết ngày xét xử sơ thẩm 19/7/2022 là: 126.510.333 đồng** (gồm lãi trong hạn 21.675.530 đồng, lãi quá hạn 104.834.803 đồng), phù hợp với khoản 2 Điều 91 Luật các tổ C tín dụng. Ngoài ra, Ngân hàng yêu cầu tiếp tục tính lãi theo đúng thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng cho đến ngày ông C, bà H thực tế thanh toán hết nợ cho Ngân hàng là phù hợp với hướng dẫn về xác định lãi suất trong hợp đồng tín dụng tại thời điểm xét xử sơ thẩm quy định tại Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Tòa án nhân dân tối cao quy định về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Do vậy, yêu cầu của Ngân hàng đề nghị Tòa án buộc ông C, bà H phải thanh toán tổng số tiền **631.890.000 đồng + 21.675.530 đồng + 104.834.803 đồng = 758.400.333 đồng** tính đến ngày 19/7/2022, trong Hợp đồng tín dụng số 9943376.20, đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 9943376(1).20 ngày 05/10/2020; kể từ ngày tiếp theo của ngày 19/7/2022, ông C, bà H còn phải chịu lãi đối với khoản tiền chưa thanh toán theo đúng thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ là có căn cứ chấp nhận.



Bảo đảm cho khoản vay, giữa Ngân hàng và ông C, bà H có ký hợp đồng thế chấp tài sản. Song Ngân hàng không yêu cầu xử lý tài sản thế chấp trong trường hợp ông C, bà H không trả nợ nên HĐXX không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về án phí:

Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận; nguyên đơn không phải chi án phí nên được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 144, Điều 147 Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 278 Bộ luật tố tụng dân sự; **Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự; Điều 90**, Điều 91, Điều 94, Điều 95, Điều 98 Luật các tổ C tín dụng; Điều 27, Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Q(VIB). Buộc ông Nguyễn Công C, bà Phạm Thị H phải trả cho Ngân hàng Q(VIB) tổng số tiền tính đến ngày xét xử sơ thẩm 19/7/2022 là: **758.400.333đ** (bảy trăm năm mươi tám triệu bốn trăm nghìn ba trăm ba mươi ba đồng) trong đó số tiền nợ gốc: **631.890.000 đồng**, số tiền nợ lãi: **126.510.333 đồng**.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm 19/7/2022 cho đến khi thi hành án xong, bên thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 9943376.20 ngày 05/10/2020, đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 9943376(1).20 ngày 05/10/2020. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà bên phải thi hành án phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay và văn bản quy phạm pháp luật quy định về lãi suất có hiệu lực tại thời điểm điều chỉnh lãi suất.

2. Về án phí:

Ông Nguyễn Công C, bà Phạm Thị H phải chịu **34.336.000 đồng** án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng Q(VIB) không phải chịu án phí. Hoàn trả Ngân hàng Q(VIB) 30.085.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0012770 ngày 01/4/2022 của chi cục thi hành án dân sự huyện Lạng Giang.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hoặc niêm yết bản án theo quy định pháp luật.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Lạng Giang;
- THADS huyện Lạng Giang;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đỗ Thị Mai Lan**

